

Bội chi ngân sách ở Việt Nam: vấn đề và giải pháp*

NGUYỄN THỊ NGUYỆT

Một trong những vấn đề nan giải trong quá trình điều hành chính sách tài khóa Việt Nam là bội chi ngân sách liên tục với xu hướng ngày càng tăng, cơ cấu tài khóa bất hợp lý, thiếu minh bạch tài khóa, nợ công cao... hàm chứa rủi ro, ảnh hưởng đến an ninh tài khóa. Bài viết tập trung vào một số rủi ro chính từ tình trạng bội chi ngân sách Việt Nam, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm hướng tới bền vững ngân sách.

Từ khóa: bội chi ngân sách, chính sách tài khóa, thu ngân sách, chi ngân sách, nợ công.

1. Khung lý thuyết

Theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (có hiệu lực từ năm 2017), bội chi ngân sách trung ương được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách trung ương không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách trung ương. Bội chi ngân sách địa phương cấp tỉnh là tổng hợp bội chi ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương, được xác định bằng chênh lệch lớn hơn giữa tổng chi ngân sách cấp tỉnh không bao gồm chi trả nợ gốc và tổng thu ngân sách cấp tỉnh của từng địa phương.

Bội chi ngân sách có tầm quan trọng đối với cơ cấu đầu tư. Bội chi tăng, để giảm thâm hụt, chính phủ đi vay nhiều hơn, kết quả là lãi suất tăng, chi phí đầu vào sản xuất gia tăng, cũng có nghĩa lạm phát tăng lên, kéo theo đầu tư giảm, sản lượng đầu ra giảm, và gây ra hiện tượng thoái lui đầu tư. Hầu hết các lý thuyết kinh tế đều cho rằng, để đạt được mục tiêu tăng trưởng ổn định trong trung và dài hạn thì cân bằng thu chi ngân sách là rất quan trọng. Điều quan trọng ở đây là cách thức cân đối giữa các khoản thu và chi ngân sách để đem lại kết quả đầu ra tối ưu không chỉ trong ngắn hạn, mà phải nhằm ổn định trạng thái kinh tế trong trung và dài hạn. Tuy nhiên, quá chú trọng vào nguyên tắc cân bằng ngân sách để đảm bảo khả năng trả được nợ mà không

dám mạnh dạn mở rộng đầu tư, có nghĩa là trong tương lai khả năng gia tăng nguồn thu cho ngân sách giảm, chính phủ sẽ có không gian tài chính hẹp hơn và sẽ thụ động hơn trong việc sử dụng các công cụ chính sách tài khóa khi nền kinh tế có biến động mạnh.

2. Thực trạng và vấn đề

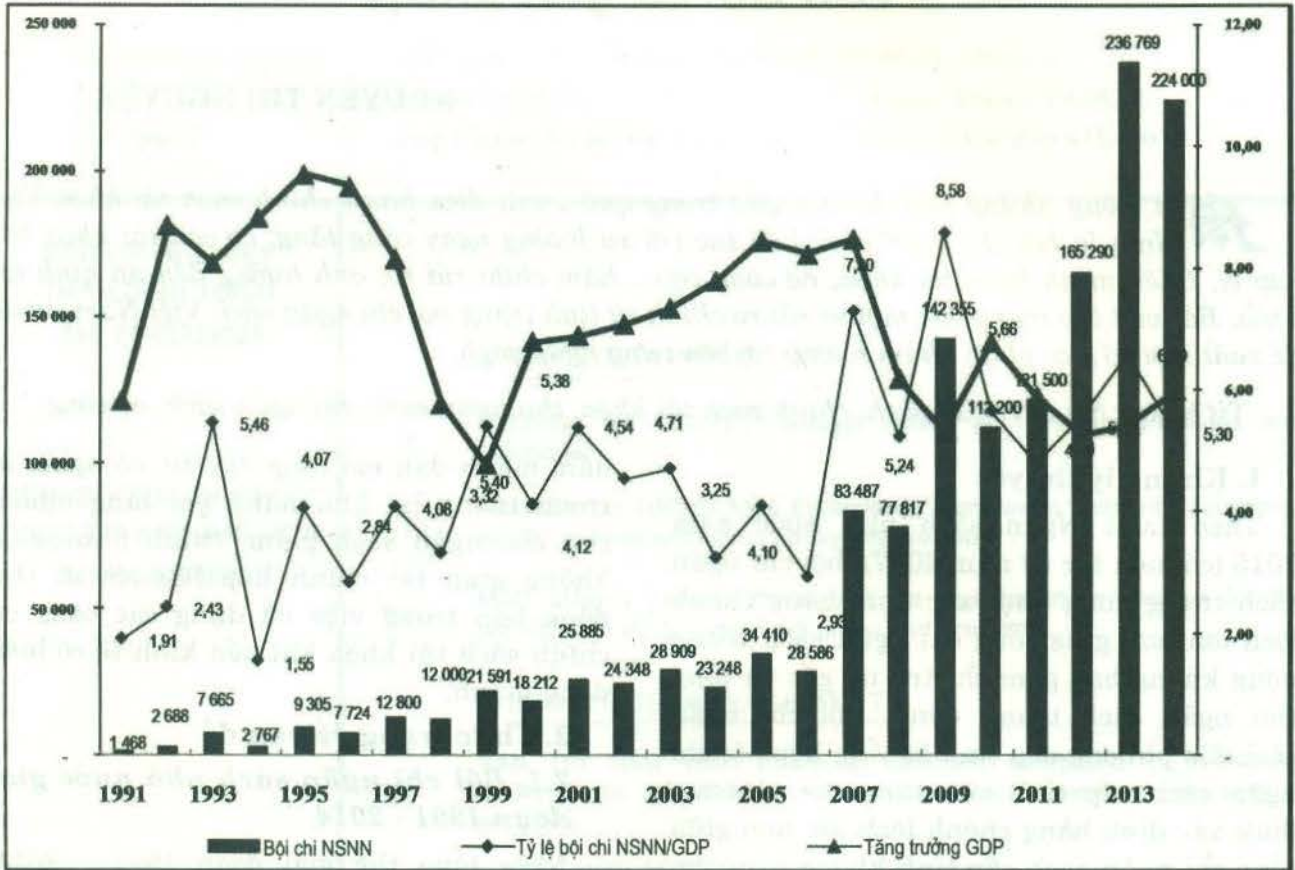
2.1. Bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 1991 - 2014

Nhìn tổng thể giai đoạn 1991 - 2014, ngân sách nhà nước (NSNN) Việt Nam liên tục thâm hụt với mức độ khác nhau. Điều đáng lưu ý là có quy luật tương quan nghịch chiều giữa bội chi và tăng trưởng kinh tế trong giai đoạn 1991 đến nay. Trong thập kỷ đầu, 2 mốc thâm hụt tăng cao là năm 1993 và năm 1999 đều gắn với hai mốc sụt giảm tăng trưởng kinh tế. Ngược lại, khi thâm hụt ở đà giảm thì chứng kiến GDP tăng cao (giai đoạn 1994 đến 1996). Điều tương tự thể hiện rõ nét trong giai đoạn từ năm 1999 đến năm 2007, và trong diễn biến ngược chiều của giai đoạn năm 2008 đến nay (hình 1).

Nguyễn Thị Nguyệt, PGS. TS., Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế trung ương.

*Bài viết thuộc đề tài "Khung khổ lý thuyết về chính sách tài khóa đối với ổn định chu kỳ kinh tế", mã số II.99-2013.43, được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ quốc gia (NAFOSTED).

HÌNH 1: Bộ chi ngân sách nhà nước và tỷ lệ bộ chi ngân sách nhà nước so với GDP giai đoạn 1991 - 2014



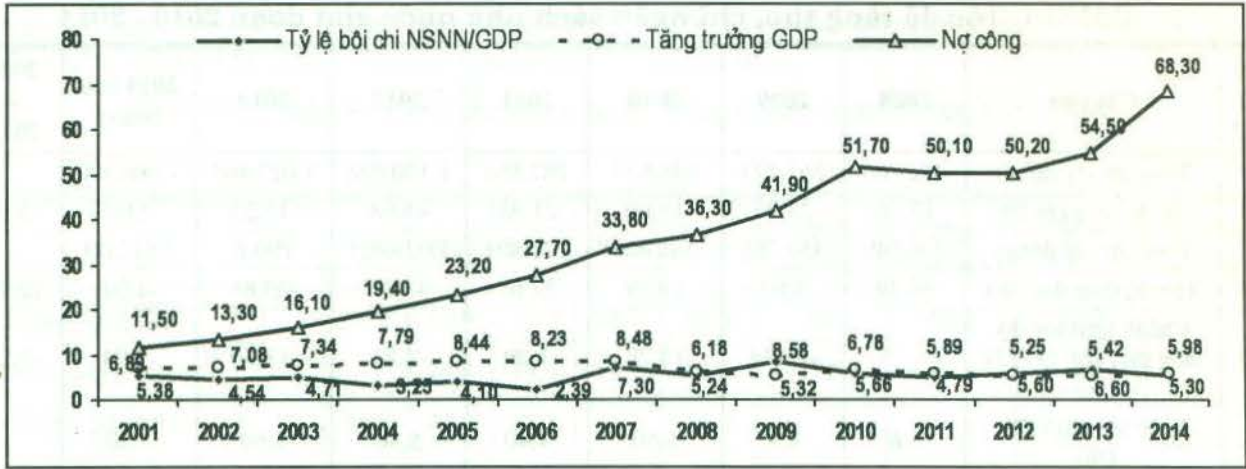
Nguồn: Tổng cục Thống kê.

Nếu sau 10 năm đầu, bội chi ở mức thấp, phổ biến dưới 5% GDP, thì từ năm 2003, đường cong chi NSNN bắt đầu có sự đứt gãy để chuyển sang một giai đoạn bội chi cao, đặc biệt từ năm 2007 đến nay. Trong những năm 1991 - 1996, nền kinh tế phát triển tốt, nhìn chung bội chi NSNN đã ở mức hợp lý, trung bình khoảng 3,04% (Nguyễn Thị Nguyệt và cộng sự, 2012). Sang giai đoạn 1997-2002, chính sách tài khóa đã được mở rộng, các chính sách kích cầu được áp dụng nhằm phục dựng nền kinh tế sau khủng hoảng. Vì vậy, bội chi NSNN đã tăng cao hơn, bình quân đạt 4,47% GDP. Giai đoạn 2003 - 2006, nền kinh tế phục hồi và có bước phát triển mạnh mẽ, bội chi NSNN bình quân chỉ đạt 3,75% GDP.

Sang giai đoạn 2007-2010, bội chi NSNN không những không giảm mà có xu hướng tăng cao hơn so với giai đoạn trước (Nguyễn Thị Nguyệt và cộng sự, 2013). Từ năm 2007 đến năm 2010, Chính phủ đã phải tung ra nhiều gói kích cầu thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh, nhằm thoát khỏi suy thoái. Hầu hết các năm mức bội chi NSNN đều trên 6,6% GDP. Mức bội chi bình quân hàng năm trong giai đoạn từ năm 2011 đến nay là trên 5,5% GDP.

Tuy nhiên, điều đáng quan ngại là sự gia tăng bội chi gắn với gia tăng nợ công với gia tốc ngày càng lớn (hình 2). Trong 5 năm đầu nợ công tăng từ 11,5% năm 2001 đến 23,2% năm 2005; giai đoạn 2006-2010 tăng với tốc độ kỷ lục, lên đến 51,7%, và 5 năm gần đây đã lên đến 60,3% GDP.

HÌNH 2: Tỷ lệ bội chi, tăng trưởng GDP và nợ công giai đoạn 2001 – 2014



Nguồn: Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê.

2.2. Trần bội chi và rủi ro an ninh tài khóa

Bản chất của trần bội chi là hàng rào an ninh tài khóa, được các quốc gia coi như một mốc vàng để đảm bảo an ninh tài khóa cũng như ổn định kinh tế vĩ mô. Do đó hầu như quốc gia nào cũng có một trần bội chi cơ bản để xác định ngưỡng an toàn.

Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra “hàng rào an toàn” của bội chi là ở mức 5%. Nếu căn cứ vào ngưỡng an toàn này, từ năm 2009 đến nay Việt Nam đã nhiều lần “phá rào”. Khi kinh tế gặp khủng hoảng năm 2009, bội chi lên tới 6,9% GDP, năm 2010 là 6,2% GDP, năm 2013 Chính phủ Việt Nam cho phép nâng bội chi từ 4,8% lên 5,3%, hiện nay độ rủi ro tăng mạnh khi bội chi thực tế công bố lên đến 6,6% - mức bội chi xấp xỉ thời điểm kinh tế khủng hoảng năm 2009. Nếu sử dụng cách tính bội chi ngân sách của quốc tế áp dụng cho Việt Nam, thì thâm hụt lên đến 8%, nợ công có thể lên tới 100% GDP, đây là tình trạng khiến Bồ Đào Nha rơi vào khủng hoảng năm 2011 (Lê Việt Tùng, 2013). Bên cạnh đó, một loạt động thái gần đây như: Chính phủ thoái vốn 10 tập đoàn và tổng công ty nhà nước (3 tỷ USD) ở các công ty kinh doanh hiệu quả – như Vinamilk, FPT, Viettel; lần đầu tiên phải đi vay Ngân hàng Nhà nước 30.000 tỷ đồng và đề xuất phát

hành 3 tỷ USD trái phiếu quốc tế - gấp 3 lần số phát hành cuối năm 2014; đề xuất bán các công trình công đã hoàn chỉnh như cầu, cảng, sân bay (Phú Quốc). Điều này cho thấy Chính phủ ý thức được và có những phản ứng chính sách trước áp lực rủi ro tài khóa cũng như áp lực trả nợ (nợ công) cùng với nguồn lực cạn (bội chi NSNN tăng không ngừng). Nếu tiếp tục trả nợ bằng vay trong nước sẽ dẫn đến lấn át đầu tư tư nhân – nguồn lực chính để trả nợ, giảm thu NSNN, tăng bội chi... Nếu tiếp tục trả nợ bằng vay nợ nước ngoài thì dẫn đến nguy cơ phụ thuộc chính trị, đổ vỡ tài chính.

Bội chi ngân sách kéo dài, với mức độ cao, dẫn đến rủi ro cho an ninh tài khóa. Thâm hụt ngân sách diễn ra liên tục trong hơn 2 thập kỷ qua và có xu hướng ngày một gia tăng. Cụ thể, thâm hụt ngân sách (không bao gồm chi trả nợ gốc) của Việt Nam trung bình giai đoạn đầu 1991-1995 là 3,09%, ở mức khá an toàn. Các giai đoạn sau tăng với tốc độ đáng chú ý, tăng gấp gần 1,3 lần giai đoạn 1996-2000, ở mức 3,95%; tăng 1,4 lần ở giai đoạn 2001-2005, ở mức là 4,4%; tăng 1,9 lần ở giai đoạn 2006-2010 là 5,94%, và tăng khoảng 1,7 lần giai đoạn 2011 đến nay, hiện ở mức 5,29% GDP. Rủi ro do tốc độ chi ngày càng vượt tốc độ thu, hàm ý tốc độ bội chi sẽ

ngày càng gia tăng, rủi ro an ninh tài khóa ngày càng trầm trọng (bảng 1).

BẢNG 1: Tốc độ tăng thu, chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2010 - 2014

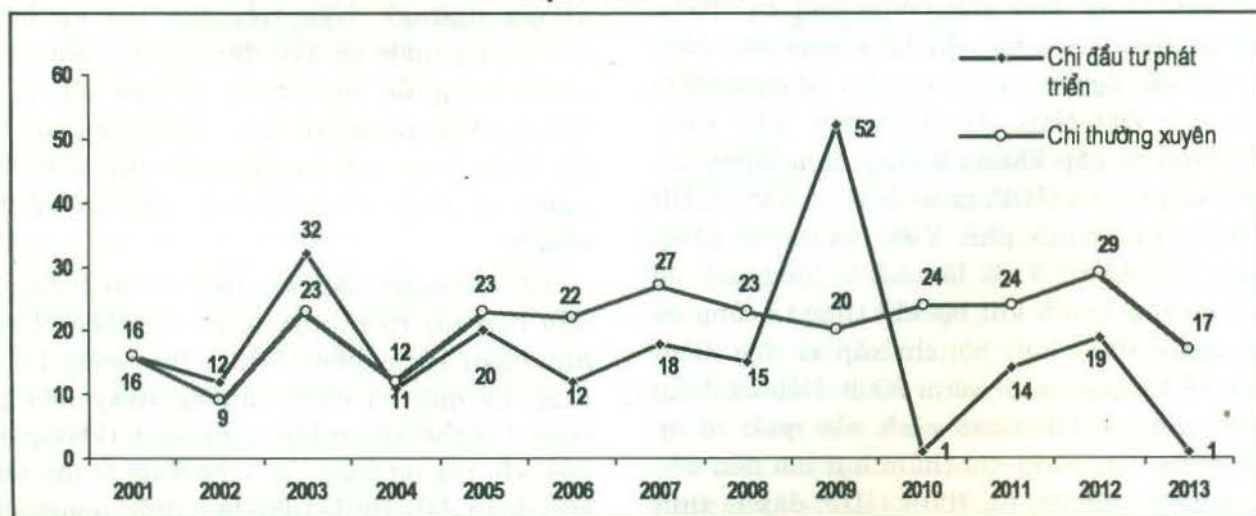
| S T T | Chỉ tiêu | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014 (dự toán) | 2009 - 2014 |
|-------------|--|---------|---------|---------|---------|-----------|-----------|-------------------|-------------------|
| 1 | Tổng chi (tỷ đồng) | 452.766 | 561.273 | 648.833 | 787.554 | 1.170.924 | 1.027.469 | 1.006.700 | |
| 2 | Tốc độ tăng chi (%) | 13,36 | 23,97 | 15,60 | 21,38 | 48,68 | -12,25 | 2,02 | 15,99 |
| 3 | Tổng thu (tỷ đồng) | 430.549 | 454.786 | 588.428 | 721.804 | 1.038.451 | 790.8 | 782.700 | |
| 4 | Tốc độ tăng thu (%) | 36,29 | 5,63 | 29,39 | 22,67 | 43,87 | -23,85 | -1,02 | 12,78 |
| 5 | Chênh lệch tốc độ tăng thu, chi: (4)-(2) (%) | | -18,34 | 13,79 | 1,29 | -4,81 | -11,60 | -3,04 | -3,21 |
| 6 | Tỷ lệ bội chi/GDP (%) | 4,6 | 6,9 | 5,50 | 4,40 | 5,36 | 6,60 | 5,30 | |
| 7 | Tỷ lệ nợ công/GDP | 36,3 | 41,9 | 51,7 | 50,1 | 50,2 | 54,5 | 60,3 | |

Nguồn: Tổng cục Thống kê; Bộ Tài chính.

Trong giai đoạn 2009-2014, tốc độ chi vượt thu trung bình mỗi năm là 3,21%, đỉnh điểm là các năm 2009, 2013. Nếu tốc độ này còn tồn tại thì an ninh tài khóa sẽ bị đe dọa nghiêm trọng và nợ công sẽ chính thức vượt

giới hạn an toàn. Đặc biệt là tình trạng “nợ chồng nợ” – vay để trả nợ, ngay cả các khoản vay từ trái phiếu chính phủ với nhiệm vụ ban đầu là để cho đầu tư phát triển song thực tế chỉ thực hiện được một tỷ lệ khiêm tốn.

HÌNH 3: Tốc độ tăng chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên tại Việt Nam giai đoạn 2001 – 2015



Nguồn: Tính toán từ số liệu của Tổng cục Thống kê.

Trong những năm gần đây, bội chi tăng nhanh (trung bình 14%/năm trong giai đoạn 2009-2014 và cao hơn tăng trưởng GDP, trong khi tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ có xu hướng tăng lên trên mức 25% tổng thu ngân sách (dự kiến trên 26% năm 2014 và

30% năm 2015), là những dấu hiệu rủi ro an ninh tài khóa cao¹. Tăng bội chi cũng

1. <http://cafef.vn/tai-chinh-quoc-te/vong-xoay-no-cong-k1-gioi-han-an-toan-2014120811300440010.chn>.

đồng nghĩa với tăng nợ công². Đánh giá xu hướng tăng trưởng của nợ công với khả năng trả nợ của Việt Nam cho thấy sự thiếu bền vững tài khóa trong tương lai

(Vũ Nhữ Thăng, 2014). Khả năng nợ công của Việt Nam sẽ tăng vượt ngưỡng 65% và khả năng trả nợ hạn chế, an ninh tài khóa bị đe dọa.

BẢNG 2: Một số chỉ tiêu nợ công và nợ nước ngoài của Việt Nam

Đơn vị: %

| | 2010 | 2011 | 2012 | 2013 | 2014* | 2015 (ước tính) | 2016 (ước tính) | 2020 (ước tính) | Ngưỡng an toàn |
|----------------------------|------|------|------|------|-------|--------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| Tổng nợ công/GDP | 56,3 | 54,9 | 55,7 | 54,2 | 60,3 | 64 | 64,9 | 60,2 | 65 |
| Tốc độ tăng nợ công | | 24,8 | 18,4 | 17,9 | 23,3 | 19,9 | | | |
| Nợ Chính phủ/GDP | 44,6 | 43,2 | 43,3 | 42,3 | 46,9 | | | | |
| Nợ Chính phủ/thu ngân sách | 158 | 162 | 172 | 198 | 253 | | | | |
| Nghĩa vụ trả nợ* | 23,1 | 22,3 | 24,4 | | 26,2 | 30 | | | |
| Nợ nước ngoài/GDP | 42,2 | 41,5 | 41,1 | 37,3 | 39,9 | | | | 50 |

Nguồn: Bản tin Nợ công số 03 - MoF (8/2014); Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Tài chính trước Quốc hội (10/2014); Báo cáo triển vọng thị trường - VPBank Securities (19-1-2015).

*Ghi chú:** tỷ lệ trả nợ trực tiếp và gián tiếp của Chính phủ/ thu ngân sách.

Nếu so sánh tương quan giữa nợ nước ngoài/GDP và nợ chính phủ/GDP, có thể thấy rằng phần nợ nước ngoài là không hề nhỏ, hiện chiếm gần 40% GDP, nghĩa vụ trả nợ cận kề trong tương lai gần, năm 2015 là cao nhất 30% GDP, tốc độ gia tăng nợ công trung bình khoảng 20% (bảng 2), còn tốc độ tăng trưởng kinh tế dự báo cho giai đoạn 2016-2020 trung bình khoảng 6-7%³. Mặc dù Chính phủ vẫn luôn cố gắng để nợ nước ngoài dưới 50% trong cơ cấu nợ công, song có thể khẳng định rằng Việt Nam đang phải đối mặt với áp lực trường kỳ về trả nợ nước ngoài dưới hình thức trả nợ trái phiếu quốc tế, nếu năng lực trả nợ của Việt Nam không được cải thiện thì khó tránh khỏi nguy cơ của một cuộc khủng hoảng nợ tại các thời điểm nóng về đáo hạn nợ.

3. Nguyên nhân

3.1. Quản lý ngân sách thiếu hiệu quả

Thiếu kỷ luật khống chế mức bội chi. Mục tiêu kế hoạch bội chi với mức trần bội chi đưa ra đã không được tuân thủ, bội chi

ngân sách lớn, liên tục và có dấu hiệu ngày càng tăng.

Thiếu kỷ luật trong thực thi dự toán chi ngân sách, không quy rõ trách nhiệm cá nhân, và thiếu hình thức xử lý thỏa đáng về tình trạng này.

Bên cạnh đó, còn tồn tại hiện tượng doanh nghiệp trốn, chậm thuế hay không nộp đủ thuế⁴. Nguyên nhân là do thiếu giám sát chặt chẽ trong quản lý thu ngân sách, xử lý còn thiếu quyết liệt, và còn do một bộ phận quan chức, viên chức ngành thuế biến chất, bị mua chuộc để dung túng

2. <http://www.baomoi.com/Noi-tran-boi-chi-ngan-sac-h-Loi-truoc-mat-hai-lau-dai/c/12135690.epi>.

3. <http://www.ncseif.gov.vn/sites/vie/Pages/dubaomotsochitieu-nd-16720.html>. Dự báo một số chỉ tiêu kinh tế xã hội Việt Nam giai đoạn 2014-2020.

4. 8 tháng đầu năm Tập đoàn Formosa còn nợ hơn 620 tỷ đồng tiền thuế, phí <http://www.baomoi.com/Ha-Tinh-Formosa-chay-i-khien-tinh-bi-hut-thu-thue/c/14892906.epi>; hay doanh nghiệp nợ 76.000 tỷ tiền thuế <http://cafef.vn/vi-mo-dau-tu/bo-tai-chinh-doanh-nghiep-no-dong-76-000-ty-tien-thue-20151026194927058.chn>.

cho những vi phạm này⁵.

3.2. Phân bổ chi tiêu bất hợp lý

Cơ chế chi tiêu ngân sách bất hợp lý, không dựa trên nguyên tắc chi để phát triển. Cơ cấu chi ngân sách thường xuyên ở mức 68-69% cho những khoản chi tiền lương, tiền công, chi vật tư văn phòng, chi công tác phí, chi mua sắm tài sản, trang thiết bị, chi cho bộ máy hành chính... Tỷ lệ chi này cho thấy bộ máy hành chính công kênh, cần tinh giản.

Cơ cấu chi tiêu bất hợp lý dẫn đến giảm nguồn lực cho phát triển bền vững. Tỷ lệ chi cho quản lý hành chính cao (từ 7,14% đến 9,63%), trong khi đó chi cho các lĩnh vực có vai trò tăng cường nội lực của nền kinh tế, tăng vốn vật chất và con người lại thấp, như y tế (từ 2,9% đến 5,85%), khoa học công nghệ (0,6% đến 1,9%), sự nghiệp kinh tế (từ

4,04% đến 7,15%). Khoản mục chi khoa học công nghệ giảm mạnh gần 30% về tỷ trọng, mặc dù chi khoa học công nghệ chỉ chiếm trung bình 1,1% tổng chi ngân sách trong giai đoạn 2005-2011. Nghịch lý còn thể hiện ở tốc độ tăng chi thường xuyên hầu như vượt tốc độ tăng chi đầu tư phát triển (hình 3 ở trên). Điều này mâu thuẫn với chủ trương chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao năng lực cạnh tranh lấy khoa học công nghệ làm nền tảng, cũng như hướng tới tăng trưởng bền vững và bảo vệ môi trường. Chi thường xuyên bất cập nhất là chi cho con người không dựa trên nguyên tắc phân phối thu nhập theo hiệu quả; không thu hút, phát huy nhân tài, dẫn đến tiền lương mất dần động lực, lãng phí nguồn lực.

BẢNG 3: Tỷ trọng các khoản chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội trong tổng chi ngân sách nhà nước, giai đoạn 2005 - 2013 (%)

| | 2005 | 2007 | 2008 | 2009 | 2010 | 2011 | 2012 | Sơ bộ 2013 |
|---|--------|--------|--------|--------|--------|--------|--------|------------|
| Tổng chi | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 | 100,00 |
| Trong đó: | | | | | | | | |
| Chi đầu tư phát triển | 30,15 | 28,08 | 26,38 | 32,31 | 28,23 | 26,45 | 27,47 | 21,45 |
| Chi phát triển sự nghiệp kinh tế - xã hội | 50,37 | 53,06 | 55,74 | 54,05 | 58,05 | 59,30 | 61,67 | 68,22 |
| Trong đó: | | | | | | | | |
| Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo | 10,89 | 13,46 | 11,83 | 12,35 | 12,05 | 12,62 | 12,99 | 16,58 |
| Chi sự nghiệp y tế | 2,90 | 4,11 | 3,18 | 3,45 | 3,87 | 3,93 | 4,03 | 5,85 |
| Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ và môi trường | 0,98 | 1,90 | 0,70 | 0,68 | 0,64 | 0,73 | 0,60 | 0,76 |
| Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình | 0,80 | 0,35 | 0,59 | 1,08 | 1,36 | 1,10 | 1,16 | 1,11 |
| Chi lương hưu, đảm bảo xã hội | 6,76 | 9,16 | 8,20 | 8,96 | 9,90 | 9,92 | 8,76 | 10,45 |
| Chi sự nghiệp kinh tế | 4,49 | 4,04 | 4,68 | 4,85 | 5,80 | 5,78 | 5,81 | 7,15 |
| Chi quản lý hành chính | 7,14 | 7,31 | 8,40 | 7,23 | 8,65 | 9,20 | 9,11 | 9,63 |
| Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 0,03 | 0,05 | 0,04 | 0,04 | 0,04 | 0,04 | 0,05 | 0,01 |
| Tỷ lệ chi sự nghiệp/chi đầu tư phát triển | 1,67 | 1,89 | 2,11 | 1,67 | 2,06 | 2,24 | 2,24 | 3,18 |

Nguồn: Tổng cục Thống kê và tính toán của tác giả.

3.3. Hiệu quả chi ngân sách nhà nước thấp

Thiếu nguồn bù đắp cho đầu tư phát triển.

Nguồn lực cho đầu tư phát triển ngày càng sụt giảm, nguồn thu từ thuế có nguy cơ giảm mạnh theo cam kết giảm thuế suất các hiệp

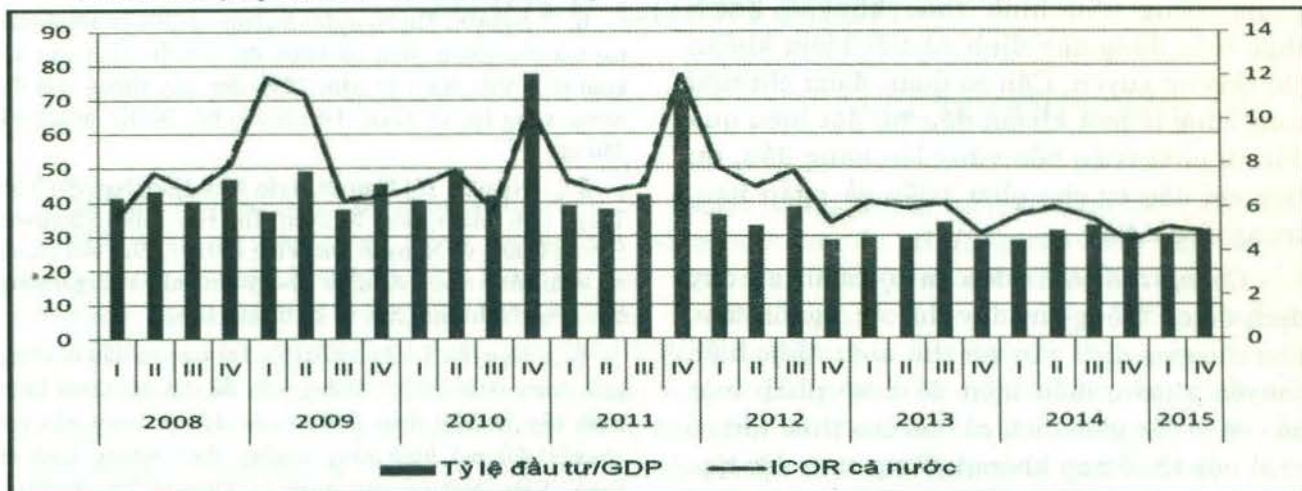
định thương mại tự do, cùng với hiệu quả đầu tư thấp. Chỉ số ICOR của Việt Nam là

5. <http://cand.com.vn/Phap-luat/Khoi-to-mot-can-bo-thue-nhan-hoi-lo-363134/> hay <http://vnexpress.net/tin-tuc/phap-luat/can-bo-thue-ep-doanh-nghiep-sai-pham-chi-tien-hoi-lo-3021767.html>

5,8 (tức là cần 5,8 đồng vốn để tạo ra một đồng tăng trưởng) cho giai đoạn 1996-2000. Giai đoạn từ năm 2010 đến nay, chỉ số ICOR đã

tăng nhanh, lên gần tám, trong khi với các quốc gia trong khu vực, chỉ số này dao động trong khoảng từ 2 đến 4.

HÌNH 4: Tỷ lệ đầu tư trên GDP và hệ số ICOR cả nước theo quý, giai đoạn 2008 - 2015



Nguồn: Nguyễn Tú Anh, 2015.

3.4. Lãng phí và tham nhũng NSNN

Yếu trong quản lý chi ngân sách dẫn đến sai phạm, tham nhũng gây lãng phí, thất thoát (bảng 4). Việt Nam đã phát hiện những sai phạm trong quản lý, vi phạm về kinh tế giai đoạn 2011- 2014 với số tiền là 208.540 tỷ đồng⁶. Tham nhũng làm giảm lòng tin của người dân và doanh nghiệp đối với Chính phủ, ảnh hưởng không những về kinh tế, mà còn chính trị và xã hội.

4. Đề xuất giải pháp

- Chính phủ cần đưa ra một kế hoạch tổng thể chính sách về tài chính trung và dài hạn, trong đó các vấn đề về cân đối bộ chi ngân sách, cân đối đầu tư công cần được tính toán kết hợp với nghiên cứu tổng phương tiện thanh toán và tăng trưởng tín dụng. Lập trần bộ chi an toàn đến 5%, cơ chế chặt chẽ về nâng trần bộ chi và xử lý vi phạm một cách nghiêm túc.

- Thay đổi lại cách tính bộ chi, đồng thời tăng cường tính minh bạch hóa thông tin ngân sách. Minh bạch thông tin về thâm hụt ngân sách và nợ công để đánh giá chính xác mức độ an toàn nợ công và tăng định mức tín nhiệm quốc gia trên thị trường.

Thiết lập kỷ luật ngân sách, đặc biệt kỷ luật chi ngân sách, cần có ràng buộc ngân sách cứng, bao gồm: i) ràng buộc chi tiêu: quản lý và sử dụng tài sản hiệu quả; ii) ràng buộc nghĩa vụ với nhà nước: có đóng góp cân xứng với đồng ngân sách được sử dụng; ràng buộc trách nhiệm với các chủ nợ: chịu trách nhiệm trả các khoản vay. Tăng tỷ lệ chi đầu tư phát triển/chi thường xuyên. Những khoản chi thường xuyên nhất quyết phải tiết kiệm là chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, lễ hội, động thổ, khởi công, khánh thành công trình và đi công tác nước ngoài. Cần thực hiện đầu tư tập trung vào các ưu tiên phát triển, các chương trình trọng điểm, ngành mũi nhọn.

- Quản lý chặt chẽ và giảm tỷ lệ chi thường xuyên, đặc biệt chi cho bộ máy hành chính, tăng chi cho đầu tư phát triển. Cần đưa ra tỷ lệ tối đa mức chi thường xuyên như một kỷ luật tài khóa, (vẫn đảm bảo luôn thấp hơn chi đầu tư phát triển) và có chế tài đối với việc vi phạm kỷ luật này. Cần công khai chi

6. http://www.bbc.com/vietnamese/business/2016/02/160209_vn_economic_mismanagement.

tiết những khoản chi này, đưa ra quy định chặt chẽ về mức chi, nội dung chi và công khai minh bạch nội dung chi này. Ra chế tài giám sát, xử lý công khai các hình thức vi phạm, cũng như hình thức khuyến khích thực hiện đúng quy định và tiết kiệm khoản chi thường xuyên. Cần có quan điểm chi tiêu công cũng là một khoản đầu tư, đặt hiệu quả đầu tư phát triển bền vững lên hàng đầu, ưu tiên chi đầu tư cho phát triển cả ngắn hạn, trung và dài hạn.

- *Chống thất thu*: đưa ra lộ trình và quy định để có thông tin đầy đủ các nguồn thu, như các giao dịch gắn với thu nhập thực hiện chuyển khoản, điều kiện để được pháp luật bảo vệ là các giao dịch có báo cáo thuế (dù có phải nộp thuế hay không). Tăng tính độc lập, khách quan của các tổ chức kiểm toán, đưa trách nhiệm của các tổ chức này trong việc bồi hoàn thất thoát vốn NSNN nếu có sai phạm trong quá trình kiểm toán tạo điều kiện vi phạm trong sử dụng vốn NSNN của đơn vị được kiểm toán. Công khai các đơn vị, cá nhân vi phạm về nộp thuế, tăng mức độ và xử lý nghiêm các hình thức vi phạm nghĩa vụ nộp thuế, tăng cường cơ chế dân kiểm tra về thực thi trách nhiệm nộp thuế của các tổ chức và cá nhân./

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2014), *Bản tin Nợ công số 03, MoF (8/2014)*, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2014), *Báo cáo của Bộ trưởng Bộ Tài chính trước Quốc hội (10-2014)*, Hà Nội.
3. Bùi Đại Dũng (2012), Chi tiêu công và phát triển bền vững. Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Kinh tế và kinh doanh 28 (2012) 217-230.
4. Kiều Hữu Thiện (2013), *Quản lý nợ công: Nhìn từ bài học Argentina* truy cập ngày 26-6-2015 từ <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-lua-n/quan-ly-no-cong-nhin-tu-bai-hoc-argentina-28288.html>
5. Lê Việt Tùng (2013), *Khủng hoảng nợ công Châu Âu và bài học cho Việt Nam*, truy cập ngày 26-6-2015 từ <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/kinh-te-thi-truong-XHCN/2013/22601/Khung-hoang-no-cong-chau-Au-va-bai-hoc-cho-Viet-Nam.aspx>
6. Nguyễn Thị Nguyệt và cộng sự (2012), Đánh giá vai trò của chính sách tài khóa đối với ổn định chu kỳ kinh tế ở Việt Nam từ năm 1996 đến nay thông qua đo lường xung lực tài khóa, Đề tài cấp bộ, Bộ Kế hoạch và đầu tư.
7. Nguyễn Thị Nguyệt, Trần Kim Hào, Nguyễn Văn Tùng, Chu Minh Hội, Nguyễn Thị Hải Linh, Nguyễn Hương Giang và Nguyễn Thế Vinh (2013), *Đổi mới chính sách tài khóa nhằm ổn định chu kỳ kinh tế và tăng trưởng bền vững*, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
8. Nguyễn Tú Anh (2015), Tái cơ cấu đầu tư công giai đoạn 2016-2020: những vấn đề đặt ra, tham luận trình bày tại Hội thảo *Tái cơ cấu đầu tư công gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng kinh tế xanh*, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, ngày 24-11-2015, Hà Nội.
9. *Nói trần bộ chi ngân sách: lợi trước mắt, hại lâu dài?* truy cập ngày 26-6-2015 từ <http://www.bao-moi.com/Noi-tran-boi-chi-ngan-sach-Loi-truoc-mat-hai-lau-dai/c/12135690.epi>.
10. Quốc hội (2002), *Luật Ngân sách nhà nước 2002* ban hành ngày 16-12-2002.
11. Quốc hội (2015), *Luật Ngân sách nhà nước 2015* ban hành ngày 25-6-2015.
12. Văn Cường (2014), *Vòng xoáy nợ công (K1): giới hạn an toàn* truy cập ngày 26-6-2015 từ <http://cafef.vn/tai-chinh-quoc-te/vong-xoay-no-cong-k1-gioi-han-an-toan-2014120811300440010.chn>
13. VPBank Securities (2015), *Báo cáo triển vọng thị trường - (19-1-2015)*, Hà Nội.
14. Vũ Nhữ Thăng (2014), Chính sách tài khóa: những vấn đề đặt ra trong thời gian tới, tham luận trình bày tại *Diễn đàn kinh tế mùa xuân*, Hạ Long, 2014.
15. Tổng cục thống kê: *Số liệu thống kê GDP theo các năm*.
16. Bộ Tài chính, *số liệu thống kê thu chi ngân sách nhà nước theo các năm*.